

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT SẢN
PHẨM MẠ CÔNG NGHIỆP VINGAL

Số : 06/QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý công nợ
Công ty cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP SXSP MẠ CN VINGAL

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 472031000389 ngày 30/6/1995, ngày 30/01/2008, ngày 01/08/2012 về việc thành lập Công ty cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 09/09/2014 của Ban quản lý Các khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ vào Nghị quyết biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal ngày 04 tháng 3 năm 2015 về việc đồng ý chấp thuận phê duyệt quy chế quản lý công nợ công ty Vingal.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế quản lý công nợ của Công ty cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ và Phân xưởng có trách nhiệm triển khai thực hiện bản Quy chế này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, Thư ký /.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn

QUY CHẾ QUẢN LÝ NỢ
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
SẢN PHẨM MẠ CÔNG NGHIỆP VINGAL

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả trong Công ty cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal bao gồm: phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác và các khoản nợ phải trả; Quy định quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng tại Công ty cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công ty” là Công ty cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal

2. Các khoản nợ phải thu và nợ phải trả: viết tắt là các khoản nợ;

3. “Nợ tồn đọng” là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán; Công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được và các khoản nợ phải trả đã quá thời hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ.

4. “Nợ phải thu khó đòi” là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán trên 06 tháng (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ), Công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc là các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ là tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

5. “Nợ không có khả năng thu hồi” là các khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán hoặc chưa đến thời hạn thanh toán thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

b) Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả, không có người kế thừa nghĩa vụ trả nợ.

c) Khách nợ là cá nhân đã chết, mất tích, cá nhân còn sống nhưng không còn khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự, hoặc người thừa kế theo luật nhưng không có khả năng chi trả.

d) Khách nợ đã được cơ quan có thẩm quyền Quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.

đ) Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất.

e) Các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên, tuy khách nợ còn tồn tại, đang hoạt động nhưng kinh doanh thua lỗ liên tục từ 03 năm trở lên và quá khó khăn, hoàn toàn không có khả năng thanh toán, Công ty đã tích cực áp dụng các biện pháp nhưng vẫn không thu được nợ.

7. “Nợ không có khả năng thanh toán” là các khoản nợ đến hạn và quá hạn mà Công ty không có khả năng trả cho chủ nợ theo hợp đồng đã cam kết.

Điều 4. Nguyên tắc về quản lý và xử lý nợ.

1. Quy chế quản lý nợ này làm cơ sở để xác định và xử lý các khoản nợ phát sinh đảm bảo nguyên tắc quản lý các khoản nợ đầy đủ, rõ ràng, tránh thất thoát, phản ánh đúng nội dung kinh tế của các khoản nợ; Xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan (Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, tổ chức và cá nhân khác có liên quan) trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; Đổi chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Đối với các khoản nợ khó đòi hoặc không có khả năng trả nợ, trước hết Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và tự tìm mọi biện pháp xử lý thu hồi nợ, cùng chia sẻ khó khăn giữa chủ nợ, khách nợ để xử lý thông qua các hình thức khoanh nợ, giãn nợ, xóa nợ, mua bán nợ; trường hợp vượt quá khả năng và thẩm quyền xử lý, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp hỗ trợ giải quyết.

3. Đối với các khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ, thực hiện quy đổi sang đồng Việt Nam tại thời điểm hạch toán và lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư nợ ngoại tệ phải thu, phải trả cuối năm tài chính được xử lý theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Các giải pháp về xử lý nợ phải được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở tổ chức sắp xếp, nâng cao hiệu quả của Công ty, để có nguồn trả nợ nhằm lành mạnh hóa và ổn định lâu dài tình hình tài chính theo nguyên tắc nợ Công ty tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

Điều 5. Trách nhiệm trong việc quản lý nợ phải thu

a. Phân cấp trách nhiệm quản lý nợ phải thu

1. Nợ phải thu: là các khoản nợ mà các tổ chức, cá nhân chưa thanh toán cho Công ty; bao gồm: phải thu của khách hàng về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; trả tiền trước cho người bán; thuế GTGT được khấu trừ; phải thu nội bộ; các khoản tạm ứng; các khoản phải thu khác.

2. Phân cấp trách nhiệm trong việc quản lý nợ phải thu.

2.1. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm:

- Ban hành Quy chế quản lý nợ;

- Giám sát, đánh giá, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện Quy chế quản lý nợ và công tác xử lý, thu hồi các khoản nợ theo đúng thẩm quyền đã được quy định tại Quy chế Tài chính hiện hành.

2.2. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm:

- Chỉ đạo triển khai Quy chế quản lý nợ;

- Xây dựng các quy định quản lý nội bộ cụ thể, các quy trình nghiệp vụ có liên quan để thực hiện triển khai quy chế quản lý nợ;

- Chỉ đạo việc theo dõi, quản lý, thu hồi, thanh toán các khoản nợ đúng hạn, kịp thời;

- Xử lý các khoản nợ theo đúng thẩm quyền quy định tại Quy chế tài chính hiện hành.

2.3. Phòng Tài chính – kế toán Công ty có trách nhiệm:

- Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi) của Công ty;

- Đôn đốc thu hồi nợ; định kỳ đối chiếu và xác nhận công nợ;

- Hồ sơ của tất cả các khoản nợ phát sinh đều phải đảm bảo đủ điều kiện về mặt pháp lý theo quy định của Bộ luật dân sự.

2.4. Các Phòng nghiệp vụ Công ty liên quan có trách nhiệm:

- Phối hợp với Phòng Tài chính – kế toán trong công tác thu hồi nợ;

- Thực hiện đúng các quy chế, quy định của Công ty về quản lý nợ, bán hàng trả chậm.

3. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được theo thẩm quyền phân cấp quy định tại các Quy chế Tài chính hiện hành, Quy chế Quản lý nợ và các quy chế, quy định nội bộ hiện hành của Công ty.

Trường hợp không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty, dẫn đến thất thoát vốn thì Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người liên quan trực tiếp đến việc phát sinh khoản nợ khó đòi phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế Tài chính của Công ty.

4. Khi xác định là nợ phải thu khó đòi, Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Quy chế tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì Công ty phải dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, Công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Khi xác định Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, phải xác định rõ nguyên nhân khách quan hay chủ quan.

Đối với nguyên nhân chủ quan, Công ty phải có trách nhiệm xử lý bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan (xác định cụ thể mức, giá trị bồi thường, thời hạn bồi thường, biện pháp thực hiện) .

Đối với nguyên nhân khách quan, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban có liên quan phải xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xác nhận; nếu xác định các khoản nợ này có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi; nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

6. Nợ không có khả năng thu hồi sau khi đã xử lý theo quy định tại Khoản 5 Điều này, Công ty vẫn phải theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán và trong thuyết minh báo cáo tài chính trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và có các biện pháp để thu hồi nợ, nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi được sau khi trừ đi các chi phí liên quan, được hạch toán vào thu nhập doanh nghiệp.

b. Thẩm quyền xử lý nợ phải thu

1. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn trên nguyên tắc trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định. Việc bán nợ chỉ được thực hiện cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ.

2. Trên cơ sở tham khảo giá của tổ chức định giá, giá thị trường (nếu có), giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán khoản nợ phải thu. Trường hợp bán nợ mà dẫn tới Công ty bị lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán, dẫn đến tình trạng Công ty phải giải thể, phá sản thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh khoản nợ khó đòi phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty.

3. Lập phương án bán nợ, so sánh với việc không bán khoản nợ để tự quyết định hoặc trình lãnh đạo Công ty phê duyệt trước khi thực hiện bán các khoản nợ phải thu theo thẩm quyền phân cấp. Chênh lệch giảm giữa giá trị khoản nợ theo sổ kê toán với giá bán được bù đắp bằng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi. Công ty có trách nhiệm tiếp tục bù đắp tổn thất (nếu có) bằng hoạt động sản xuất kinh doanh, không để thất thoát vốn của Công ty.

4. Thẩm quyền xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi không thu hồi được của Công ty thực hiện theo phân cấp quy định tại Quy chế Tài chính Công ty Cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal (và các quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có).

5. Công ty thực hiện quyền khiếu nại, khởi kiện khi không thu hồi được nợ, quyền ủy quyền, thuê đòi nợ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Phải thu của khách hàng

1. Phải thu của khách hàng: là các khoản nợ mà các tổ chức, cá nhân chưa thanh toán cho Công ty về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

2. Phân cấp trách nhiệm trong việc quản lý nợ phải thu của khách hàng

2.1. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm:

- Phê duyệt giá trị bán hàng trả chậm và xử lý các khoản nợ khó đòi tại Công ty được quy định theo Quy chế Tài chính hiện hành.

- Giám sát việc thực hiện quy chế bán hàng của Công ty;

2.2. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm:

- Xây dựng và ban hành các quy định nội bộ về bán hàng chậm trả (có tài sản đảm bảo, không có tài sản đảm bảo); trong đó, cần nêu rõ yêu cầu, quy trình thẩm định, đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng; quy trình đòi nợ; xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc: thẩm định khách hàng, bán hàng,

- Chỉ đạo theo dõi, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng kịp thời, đầy đủ;

- Phê duyệt giá trị bán hàng trả chậm tại Công ty được quy định theo Quy chế Tài chính;

- Xử lý các khoản nợ theo đúng thẩm quyền quy định tại Quy chế tài chính hiện hành.

2.3. Phòng Tài chính – kế toán Công ty có trách nhiệm:

- Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ, khách hàng; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi) của Công ty;

- Đôn đốc thu hồi nợ; định kỳ đối chiếu và xác nhận công nợ đối với khách hàng;

- Hồ sơ của tất cả các khoản nợ phát sinh đều phải đảm bảo đủ điều kiện về mặt pháp lý theo quy định của Bộ luật dân sự.

2.4. Các Phòng nghiệp vụ liên quan trong Công ty có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng các quy chế, quy định của Công ty về quản lý nợ, bán hàng trả chậm.

- Phối hợp với Phòng Tài chính – kế toán trong công tác thu hồi nợ;

3. Việc xử lý nợ phải thu khó đòi, nợ quá hạn của khách hàng thực hiện theo các quy định tại các điểm 4,5,6 khoản a Điều 5 thuộc Quy chế này.

Điều 7. Phải thu khoản trả trước cho người bán

1. Phải thu khoản trả trước cho người bán, là khoản nợ phải thu phát sinh do việc Công ty ký kết các hợp đồng mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, xây dựng cơ bản,... có ứng tiền trước cho khách hàng.

2. Việc phân cấp, thẩm quyền phê duyệt trong ký kết hợp đồng có phát sinh khoản ứng tiền trước cho khách hàng:

a) Lãnh đạo các Phòng nghiệp vụ, hoặc cá nhân được phân công thương thảo hợp đồng, đề xuất Tổng giám đốc/ Các Phó Tổng giám đốc được ủy quyết định mức ứng trước;

b) Việc ứng trước phải được thể hiện cụ thể trong hợp đồng hoặc văn bản đề nghị của đối tác; Trường hợp vì lý do đặc biệt nào đó thì Tổng Giám đốc công ty đề xuất.;

c) Thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty căn cứ quy định của Điều lệ và Quy chế tài chính;

3. Phân công trong theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ:

a) Các lãnh đạo Phòng Ban, cá nhân trực tiếp đề xuất ký kết hợp đồng hay trong phạm vi phụ trách của phòng thì chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện hợp đồng để đảm bảo thu hồi khoản ứng trước đúng tiến độ;

b) Phòng Tài chính Kế toán: Theo dõi khoản ứng trước từng hợp đồng và theo từng khách hàng; Phân loại các khoản ứng trước theo nội dung: nợ đến hạn thu, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi, kịp thời báo cáo Tổng giám đốc để có giải pháp thu hồi nợ.

Điều 8. Phải thu tạm ứng cán bộ nhân viên

1. Phải thu tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản phải thu phát sinh theo yêu cầu công việc được giao.

2. Việc phân cấp, thẩm quyền phê duyệt: các khoản phải thu tạm ứng của cán bộ nhân viên, phát sinh phục vụ cho hoạt động thường xuyên hay đã có chủ trương, kế hoạch; Tổng Giám đốc Công ty phân công cho Phó Tổng Giám đốc được phân công ủy quyền phê duyệt; Trường hợp, khoản tạm ứng chưa có chủ trương, kế hoạch do Tổng Giám đốc công ty quyết định với mức tiền tối đa là 50.000.000 đồng, trên mức này phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Phân công trong theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ:

a) Cán bộ nhân viên tạm ứng tiền phải thực hiện thanh toán ngay sau khi thực hiện xong công việc. Nếu để dây dưa Phòng Tài chính Kế toán có trách nhiệm trừ ngay khi thanh toán tiền lương, tiền thưởng;

b) Phòng Tài chính Kế toán: Theo dõi khoản thu nội bộ, tạm ứng của cán bộ nhân viên chi tiết từng cán bộ nhân viên, thực hiện trừ tạm ứng vào tiền lương, tiền thưởng và báo cáo kịp thời cho lãnh đạo các trường hợp để dây dưa kéo dài.

Điều 9. Các khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng

1. Gửi tiền ngân hàng:

a) Sau khi cân đối nhu cầu tiền mặt cho hoạt động thường xuyên, hàng ngày thì tiền mặt phải được gửi ngân hàng để vừa đảm bảo an toàn vốn, vừa thu được tiền lãi;

b) Khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng, bằng các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn;

2. Rút tiền gửi ngân hàng đáo hạn:

a) Cũng trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng cho hoạt động thường xuyên, hàng ngày thì tiền gửi ngân hàng được luân chuyển để đảm bảo hiệu quả nhất về độ an toàn tiền gửi và lãi suất;

b) Khi rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, đáo hạn số vốn và lãi phải chuyển vào tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Công ty;

c) Khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng có thể được rút trước hạn trong trường hợp cần thiết, do có nhu cầu đột xuất phải sử dụng;

3. Phân cấp trong quản lý, điều hành các khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng:

a) Hội đồng quản trị

- Ra chủ trương đầu tư theo phân cấp tại Quy chế tài chính;

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện việc đầu tư tiền gửi ngân hàng.

b) Tổng Giám đốc công ty:

- Thực hiện việc đầu tư tiền gửi ngân hàng và giám sát việc triển khai thực hiện; Tổng Giám đốc Công ty được quyền phân công, ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện việc đầu tư tiền gửi ngân hàng.

- Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc được ủy quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư tiền gửi ngân hàng trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính-Kế toán hoặc trực tiếp đề xuất;

- Triển khai, đôn đốc, kiểm tra, giám sát Phòng Tài chính-Kế toán trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư, thu lãi và báo cáo việc đầu tư tiền gửi ngân hàng;

c) Phòng Tài chính-Kế toán:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư tiền gửi ngân hàng để trình Tổng Giám đốc Công ty quyết định; Kế hoạch đầu tư phải đảm bảo có đủ tiền cho hoạt động thường xuyên, hàng ngày như: nộp thuế, trả lương, các hoạt động mua sắm của Công ty và có hiệu quả cao nhất về lãi suất, độ an toàn khoản đầu tư;



- Thực hiện các thủ tục đầu tư tiền gửi ngân hàng; Báo cáo hàng ngày số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn và định kỳ báo cáo về tình hình đầu tư tiền gửi theo quy định và các báo cáo khác theo yêu cầu quản lý;

Điều 10. Khoản phải thu khác

1. Khoản phải thu khác là khoản phải thu phát sinh do hoạt động kinh doanh ngoài sản xuất kinh doanh của Công ty như: thuế GTGT được khấu trừ; tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận phải thu từ hoạt động tài chính,..; Các khoản cho bên ngoài tạm ứng cho yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty có tính chất tạm thời; Các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân, tập thể (trong và ngoài đơn vị) gây ra như mất mát, hư hỏng vật tư, hàng hóa, tiền vốn,... đã được xử lý bồi thường; và các khoản phải thu khác.

2. Việc phân cấp, thẩm quyền phê duyệt các khoản phải thu khác: thực hiện như các quy định tại Điều 7 Quy chế này.

3. Phân công theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ: thực hiện như quy định tại điều 7 Quy chế này.

Chương III XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU TỒN ĐỌNG

Điều 11. Xử lý các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi

a. Xử lý với nợ phải thu tồn đọng nhưng có khả năng thu hồi

1. Đối với các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi, phải tích cực đôn đốc và áp dụng mọi biện pháp thu hồi.

2. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng trở lên còn có khả năng thu hồi, phải lập dự phòng và hạch toán vào chi phí của Công ty trong năm.

b. Xử lý nợ phải thu tồn đọng không có khả năng thu hồi

1. Đối với các doanh nghiệp đang còn hoạt động, các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy chế này được xử lý theo thứ tự sau đây:

a) Xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu tập thể, cá nhân bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Dùng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi để bù đắp.

c) Hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập doanh nghiệp, tùy theo trường hợp cụ thể.

Trong trường hợp thực hiện bán nợ theo quy định của pháp luật, sau khi xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu đương sự bồi thường theo quy định của pháp luật, chênh lệch giảm giữa giá trị khoản nợ với giá bán được bù đắp bằng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi, nếu thiếu hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

2. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã được xử lý (trừ trường hợp bán nợ) nhưng khách nợ còn tồn tại thì Công ty có trách nhiệm tiếp tục theo dõi ngoài

bảng cân đối kế toán và trong thuyết minh báo cáo tài chính trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và có các biện pháp để thu hồi nợ, nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi được sau khi trừ đi các chi phí liên quan được hạch toán vào thu nhập của Công ty.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Điều 12. Trách nhiệm của Công ty trong việc quản lý nợ phải trả.

1. Nợ phải trả: là các khoản nợ mà Công ty, đơn vị trực thuộc chưa thanh toán cho các tổ chức, cá nhân khác; bao gồm: Phải trả cho người bán; người mua trả tiền trước; phải trả cho người lao động; thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; phải trả nội bộ; các khoản phải trả, phải nộp khác; vay ngắn hạn; vay dài hạn; trái phiếu phát hành; vay khác.

2. Phân cấp trách nhiệm trong việc quản lý nợ phải trả.

2.1. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm:

- Ban hành Quy chế quản lý nợ;

- Phê duyệt phương án huy động vốn, hạn mức tín dụng tại Công ty được quy định theo Quy chế tài chính hiện hành.

2.2. Tổng Giám Đốc Công ty có trách nhiệm:

- Chỉ đạo triển khai Quy chế quản lý nợ;

- Xây dựng phương án huy động vốn, xác định rõ kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền trả nợ, bảo đảm khả năng trả nợ.

- Phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả đối với các dự án huy động vốn.

2.3. Phòng Tài chính – kế toán Công ty có trách nhiệm:

- Theo dõi, thanh toán các khoản nợ phải trả; mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả; phân loại theo thời gian các khoản nợ phải trả (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán); phân loại theo tính chất khoản nợ (nợ dài hạn, nợ ngắn hạn, nợ vay ưu đãi, vay thương mại, vay nước ngoài, vay có bảo lãnh của Chính phủ...).

- Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

- Theo dõi đầy đủ đối với các khoản cam kết bảo lãnh của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ.

2.4. Các Phòng nghiệp vụ Công ty liên quan có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng các quy chế, quy định của Công ty về quản lý nợ.

3. Phải đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 1.5 lần. Khi có nhu cầu huy động vốn vượt quy định để đầu tư các dự án quan trọng, Công ty phải xây dựng phương án cụ thể, xác định rõ kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền trả nợ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở các dự án huy động

vốn phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả. Công ty chịu trách nhiệm về hiệu quả dự án và đảm bảo khả năng trả nợ.

4. Các khoản nợ phải trả mà không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của Công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty phải quản lý và điều hành Công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ; có trách nhiệm phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn; nếu không xử lý kịp thời để phát sinh tình trạng nợ phải trả quá hạn không thanh toán trên 06 tháng, căn cứ vào hậu quả của việc không xử lý kịp thời, Công ty quyết định hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; nếu không xử lý kịp thời dẫn đến mất khả năng thanh toán nợ thì phải chịu trách nhiệm trước Công ty và trước pháp luật.

6. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng cán bộ quản lý doanh nghiệp cho các chức danh Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan đến khoản nợ sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ).

Điều 13. Trách nhiệm của Công ty khi thực hiện huy động vốn

1. Thực hiện việc huy động vốn để đầu tư, sản xuất kinh doanh phải được tuân thủ theo các quy định của Quy chế Tài chính hiện hành của Công ty và quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

2. Việc huy động vốn phải được tính toán, cân nhắc kỹ về hiệu quả kinh tế. Vốn huy động chỉ sử dụng, đầu tư vào mục đích kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó phải tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính, không dùng vào mục đích khác, vốn huy động phải được quản lý chặt chẽ, kinh doanh có hiệu quả. Công ty phải trả nợ gốc và lãi theo đúng cam kết khi huy động vốn.

3. Phải xây dựng phương án huy động vốn, đảm bảo khả năng thanh toán nợ theo phân cấp quy định tại Quy chế Tài chính hiện hành và các quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) của Công ty. Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

4. Trường hợp huy động vốn không có hiệu quả hoặc thực hiện việc huy động vốn không đúng quy định, sử dụng vốn không đúng mục đích dẫn đến tổn thất tài sản, gây thiệt hại cho Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất tương ứng với thiệt hại, tổn thất đã gây ra cho Công ty, bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo mức độ vi phạm.

Chương V

XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ TỒN ĐỌNG

Điều 14. Các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Việc xử lý các khoản nợ thuế và các khoản nộp Ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

Điều 15. Các khoản nợ đơn vị vay tại các tổ chức tín dụng

Trong quá trình hoạt động có khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn vay của các tổ chức tín dụng do kinh doanh thua lỗ thì xử lý nợ theo quy định của Chính phủ và pháp luật hiện hành có liên quan về xử lý nợ của tổ chức tín dụng.

Điều 16. Xử lý nợ phải trả có bảo lãnh.

Tổ chức, cá nhân bảo lãnh cho Công ty vay vốn, mua trả chậm vật tư hàng hóa đã quá hạn thanh toán mà Công ty chưa trả được nợ thì tổ chức và cá nhân bảo lãnh phải trả nợ thay. Công ty trả nợ thay có trách nhiệm nhận nợ và trả nợ với tổ chức, cá nhân đã bảo lãnh cho mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Xử lý khoản nợ Bảo hiểm xã hội, các khoản nợ phải trả của các tổ chức, cá nhân.

Việc thanh toán các khoản nợ Bảo hiểm xã hội, việc thanh toán các khoản nợ phải trả thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Bản Quy chế này bao gồm 06 Chương, 18 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện bản Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị, đơn vị báo cáo về Công ty để xem xét xử lý ./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Sơn

